

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

MÔN: HÓA HỌC – KHỐI 12

Đáp án : 132

1. A	2. C	3. D	4. A	5. B	6. D	7. A	8. D
9. A	10. C	11. C	12. A	13. C	14. D	15. A	16. B
17. C	18. B	19. A	20. C	21. D	22. C	23. B	24. C
25. B	26. A	27. B	28. C	29. C	30. A	31. A	32. B
33. B	34. A	35. B	36. D	37. D	38. D	39. D	40. D

Đáp án : 269

1. C	2. C	3. A	4. D	5. D	6. D	7. A	8. A
9. C	10. D	11. D	12. C	13. D	14. C	15. C	16. D
17. B	18. B	19. A	20. B	21. A	22. D	23. D	24. A
25. A	26. B	27. B	28. A	29. B	30. A	31. C	32. C
33. A	34. A	35. C	36. C	37. B	38. B	39. B	40. B

Đáp án : 357

1. B	2. D	3. A	4. A	5. C	6. D	7. D	8. B
9. A	10. C	11. B	12. B	13. C	14. C	15. D	16. D
17. B	18. A	19. C	20. A	21. D	22. B	23. D	24. A
25. D	26. C	27. C	28. C	29. B	30. D	31. A	32. D
33. C	34. B	35. C	36. B	37. A	38. B	39. B	40. A

Đáp án : 492

1. C	2. A	3. A	4. A	5. B	6. A	7. A	8. A
9. D	10. A	11. C	12. C	13. D	14. A	15. C	16. D
17. B	18. A	19. B	20. A	21. D	22. B	23. C	24. D
25. C	26. C	27. D	28. B	29. C	30. C	31. C	32. C
33. B	34. D	35. D	36. B	37. D	38. D	39. B	40. B

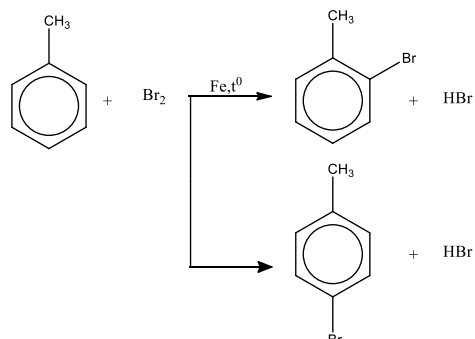
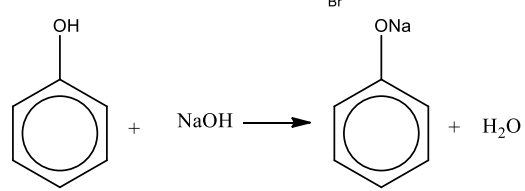
Đáp án : 789 (HÒA NHẬP)

1. A	2. B	3. A	4. A	5. C	6. D	7. C	8. A
9. D	10. A	11. B	12. B	13. C	14. D	15. B	16. D
17. B	18. C	19. A	20. B	21. B	22. C	23. B	24. C
25. C	26. A	27. D	28. D	29. D	30. D		

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

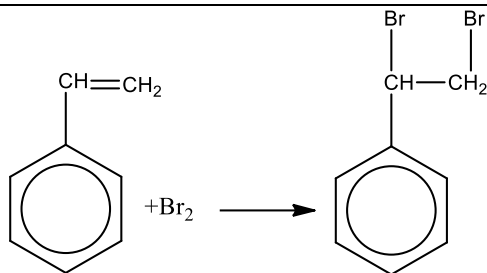
MÔN: HÓA HỌC – KHỐI 11

Đề A

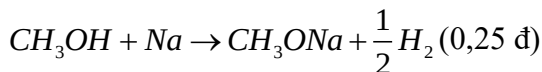
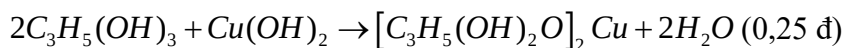
Câu 1 1,5 đ	a) $\text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—OH}$ Bậc ancol: bậc 1 Tên gọi: Butan-1-ol b) $\begin{array}{c} \text{CH}_3\text{—CH—CH}_3 \\ \\ \text{OH} \end{array}$ Bậc ancol: bậc 2 Tên gọi: Propan-2-ol	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,5 đ																				
Câu 2 2 đ	a) $\text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—OH} + \text{HCl} \longrightarrow \text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—Cl} + \text{H}_2\text{O}$  b)  c) $\text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—OH} + \text{CuO} \xrightarrow{t^0} \text{CH}_3\text{—CH}_2\text{—CH}_2\text{—CHO} + \text{Cu} + \text{H}_2\text{O}$	0,5 đ 0, 25 đ 0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ																				
Câu 3 2 đ	<table><tr><td></td><td>Benzen</td><td>Phenol</td><td>Ancol etylic</td><td>Glixerol</td></tr><tr><td>Cu(OH)₂</td><td>-</td><td>-</td><td>-</td><td>Kết tủa tan tạo dd xanh lam(0,25đ)</td></tr><tr><td>Dd Br₂</td><td>-</td><td>Kết tủa trắng(0,25đ)</td><td>-</td><td></td></tr><tr><td>Na</td><td>-(0,5đ)</td><td>x</td><td>Khí thoát ra(0,25đ)</td><td>x</td></tr></table>		Benzen	Phenol	Ancol etylic	Glixerol	Cu(OH) ₂	-	-	-	Kết tủa tan tạo dd xanh lam(0,25đ)	Dd Br ₂	-	Kết tủa trắng(0,25đ)	-		Na	-(0,5đ)	x	Khí thoát ra(0,25đ)	x	
	Benzen	Phenol	Ancol etylic	Glixerol																		
Cu(OH) ₂	-	-	-	Kết tủa tan tạo dd xanh lam(0,25đ)																		
Dd Br ₂	-	Kết tủa trắng(0,25đ)	-																			
Na	-(0,5đ)	x	Khí thoát ra(0,25đ)	x																		

Đề B

Câu 1 1,5 đ	a) CH₃—CH₂—CH—CH₃ OH Bậc ancol: bậc 2 Tên gọi: Butan-2-ol b) CH₃—CH₂—CH₂—OH Bậc ancol: bậc 1 Tên gọi: Propan-1-ol	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,5 đ																				
Câu 2 2 đ	a) b) CH₃—CH₂—OH +HBr → CH₃—CH₂—Br +H₂O CH₃ + HNO₃ H₂SO₄ d → CH₃ NO₂ + H₂O CH₃ + H₂O c) +Br₂ Fe,t⁰ → Br +HBr d) CH₃—OH +CuO → HCHO +Cu+H₂O	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ																				
Câu 3 2 đ	<table><tr><td></td><td>Benzen</td><td>Ancol metylic</td><td>Stiren</td><td>Glixerol</td></tr><tr><td>Dd Br₂</td><td>-</td><td>-</td><td>Mất màu(0,25 đ)</td><td>-</td></tr><tr><td>Cu(OH)₂</td><td>-</td><td>-</td><td>-</td><td>Kết tủa tan tạo dung dịch xanh lam(0,25đ)</td></tr><tr><td>Na</td><td>-(0,5đ)</td><td>Khí thoát ra(0,25đ)</td><td>x</td><td>x</td></tr></table> PTHH:		Benzen	Ancol metylic	Stiren	Glixerol	Dd Br ₂	-	-	Mất màu(0,25 đ)	-	Cu(OH) ₂	-	-	-	Kết tủa tan tạo dung dịch xanh lam(0,25đ)	Na	-(0,5đ)	Khí thoát ra(0,25đ)	x	x	
	Benzen	Ancol metylic	Stiren	Glixerol																		
Dd Br ₂	-	-	Mất màu(0,25 đ)	-																		
Cu(OH) ₂	-	-	-	Kết tủa tan tạo dung dịch xanh lam(0,25đ)																		
Na	-(0,5đ)	Khí thoát ra(0,25đ)	x	x																		



(0,25đ)

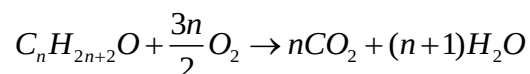


-HS làm cách khác nếu đúng vẫn tính trọn điểm

-HS viết phương trình dưới dạng CTPT thì không tính điểm

Câu 4
2 đ

Gọi CTCT ancol no, đơn, hở là $C_nH_{2n+2}O$



$$\frac{0,9}{n} \longleftarrow 0,9$$

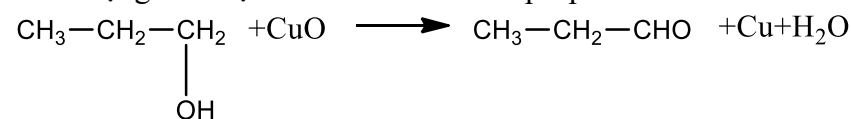
$$n_{CO_2} = \frac{39,6}{44} = 0,9(mol)$$

Ta có phương trình: $\frac{0,9}{n} \cdot (14n + 18) = 18$

Giải được $n=3$

CTPT ancol: $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}$

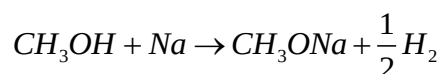
A tác dụng CuO tạo ra andehit nên A là propan-1-ol



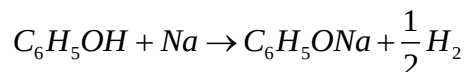
Câu 5
2,5 đ

$$n_{H_2} = \frac{3,36}{22,4} = 0,15(mol)$$

Gọi số mol CH_3OH là x và số mol $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ là y



X

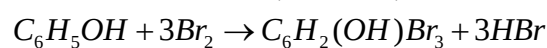
 y

Ta có hệ phương trình:
$$\begin{cases} \frac{x}{2} + \frac{y}{2} = 0,15 \\ 32x + 94y = 18,9 \end{cases}$$

Tính được $x=0,15$ và $y=0,15$

$$\%m_{CH_3OH} = \frac{32,0,15.100\%}{18,9} = 25,39\%$$

$$\%m_{C_6H_5OH} = 100\% - 25,39\% = 74,61\%$$



0,15 0,15

$$m_{\downarrow} = 0,15.331 = 49,65(g)$$

0,25 đ

0,25 đ

0,25 đ

0,25 đ

0,25 đ

0,25 đ

0,5 đ

0,25 đ

0,25 d

0,25 d

0,25 đ

0,25 d

0,25 đ

0,25 đ

0,5 đ

0,25 d

MÔN: HÓA HỌC – KHỐI 10

ĐỀ 01		
Câu 1 (2đ)	$\overset{+7}{\text{KMnO}_4} + \overset{-1}{\text{HCl}} \rightarrow \overset{+2}{\text{MnCl}_2} + \overset{0}{\text{KCl}} + \text{Cl}_2 + \text{H}_2\text{O}$	0,25
	Chất khử : HCl Chất Oxi hoá : KMnO ₄	0,25 0,25
	Quá trình oxi hoá : $\overset{-1}{2\text{Cl}} \longrightarrow \overset{0}{\text{Cl}_2} + 2\text{e}^- \times 5$	0,5
	Quá trình khử : $\overset{+7}{\text{Mn}} + 5\text{e}^- \longrightarrow \overset{+2}{\text{Mn}} \times 2$	0,5
	$2\text{KMnO}_4 + 16\text{HCl} \rightarrow 2\text{MnCl}_2 + 2\text{KCl} + 5\text{Cl}_2 + 8\text{H}_2\text{O}$	0,25
Câu 2 :(1,0đ)	Biến thiên enthalpy chuẩn $\Delta_r H_{298}^0$ $\text{CH}_4(g) + 2\text{O}_2(g) \rightarrow \text{CO}_2(g) + 2\text{H}_2\text{O}(g)$ $\downarrow$ $(-74,87)$ $\downarrow$ (0) $\downarrow$ $(-393,5)$ $\downarrow$ $(-241,82)$ (HS có thể ghi hoặc ko ghi)	Viết tên hoặc kí hiệu đều được, viết sai trừ điểm
	$\Delta_r H_{298}^0 = \Delta_f H_{298}^0(sp) - \Delta_f H_{298}^0(cd)$	0,25
	$\Delta_r H_{298}^0 = (-393,5 + 2.(-241,82)) - (-74,87 - 0)$	0,25
	$\Delta_r H_{298}^0 = -802,27 \text{ KJ}$	0,5
Câu 3 (1,0đ)	$\text{N}_2\text{O}_5(g) \rightarrow \text{N}_2\text{O}_4(g) + \frac{1}{2}\text{O}_2(g)$	
	$\bar{V} = \frac{1}{a} \frac{\Delta C_M}{\Delta t} = -\frac{1}{a} \frac{(C_{M(\text{N}_2\text{O}_5)\text{Sau}} - C_{M(\text{N}_2\text{O}_5)\text{đầu}})}{t_2 - t_1}$	0,25
	$\bar{V} = -\frac{(1,64 - 1,78)}{100} = 1,4 \cdot 10^{-4} \text{ mol/l.s}$	0,25 0,5
Câu 4 (1,5đ)	$\text{N}_2(g) + 3\text{H}_2(g) \longrightarrow 2\text{NH}_3(g)$	
	Viết biểu thức tốc độ của phản ứng trên. Giả sử : $C_{\text{N}_2} = a, C_{\text{H}_2} = b$ $v = k \cdot C_{\text{N}_2} C_{\text{H}_2}^3 = k \cdot a \cdot b^3$	0,5đ
	a. Khi nồng độ H ₂ tăng 3 lần, lượng hơi nước không thay đổi, tốc độ phản ứng thay đổi như thế nào ? $v' = k \cdot a \cdot (b \cdot 3)^3 = k \cdot a \cdot b^3 \cdot 3^3$ $= 27 \cdot v$ Vậy Khi nồng độ H ₂ tăng 3 lần, lượng hơi nước không thay đổi, tốc độ phản ứng tăng lên 27 lần	0,5 0,25 0,5
Câu 5. (1,0 đ)	Theo CT Van't Hoff $\frac{V_2}{V_1} = \gamma^{\frac{t_2 - t_1}{10}}$	0,25
	Ta có $t_1 = 20^\circ\text{C}, \gamma = 4$ $\frac{V_2}{V_1} = 4^{\frac{t_2 - 20}{10}} = 64 = 4^3$ $\rightarrow \frac{t_2 - 20}{10} = 3$	0,25 0,25 0,25

	→ $t_2 = 50$ (HS tính trực tiếp thì cho tròn 0,5đ)	
Câu 6. (1,0đ)	Hoàn thành bảng sau, cho biết yếu tố chính ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng trong từng trường hợp	
	1. Nồng độ	0,25
	2. Bề mặt tiếp xúc	0,25
	3. Chất xúc tác	0,25
	4. Áp suất	0,25
Câu 7 (1,0đ)	a.6	0,25
	b.2	0,25
	c.5	0,25
	d.3	0,25
Câu 8 (1,5đ)	$n_{Cl_2} = \frac{12,395}{24,79} = 0,5 \text{ mol}$ (nếu HS ko làm dc phía dưới mới cho 0,25)	0,25
	PTHH : $\begin{array}{ccccc} Mg & + & Cl_2 & \xrightarrow{t^0} & MgCl_2 \\ x & \rightarrow & x & & \end{array}$	
	$\begin{array}{ccccc} K & + & \frac{1}{2}Cl_2 & \xrightarrow{t^0} & KCl \\ y & \rightarrow & \frac{1}{2}y & x & \end{array}$	0,25
	$\begin{cases} m_{hh} = 24x + 39y = 22,8 \\ n_{Cl_2} = x + \frac{1}{2}y = 0,5 \end{cases}$	0,25
	$\begin{cases} x = 0,3 \\ y = 0,4 \end{cases}$	0,25
	$\%m_{Mg} = 31,58\%, \%m_K = 69,42\%$	0,25

ĐỀ 02

Câu 1 (2đ)	$\overset{-1}{KI} + \overset{+5}{HNO_3} \rightarrow \overset{0}{KNO_3} + \overset{+2}{I_2} + NO + H_2O$	0,25
	Chất khử : KI	0,25
	Chất Oxi hoá : HNO ₃	0,25
	Quá trình oxi hoá : $\begin{array}{ccc} \overset{-1}{2I} & \longrightarrow & \overset{0}{I_2} + 2e^- \quad \times 3 \\ \text{Quá trình khử :} & & \end{array}$	0,5
	$\begin{array}{ccc} N + 3e^- & \longrightarrow & \overset{+2}{NO} \quad \times 2 \end{array}$	0,5
	$6KI + 8HNO_3 \rightarrow 6KNO_3 + 3I_2 + 2NO + 4H_2O$	0,25
Câu 2 :(1,đ)	Biến thiên enthalpy chuẩn $\Delta_r H_{298}^0$ $C_3H_8(g) + 5O_2(g) \rightarrow 3CO_2(g) + 4H_2O(g)$ $\begin{array}{cccc} \downarrow & \downarrow & \downarrow & \downarrow \\ (-105,0) & (0) & (-393,5) & (-241,82) \end{array}$ (HS có thể ghi hoặc ko ghi)	Viết tên hoặc kí hiệu đều được, viết sai trừ điểm
	$\Delta_r H_{298}^0 = \Delta_f H_{298}^0(sp) - \Delta_f H_{298}^0(cd)$	0,25
	$\Delta_r H_{298}^0 = (3(-393,5) + 4.(-241,82)) - (-105 + 2.0)$	0,25
	$\Delta_r H_{298}^0 = -2042,78 \text{ KJ}$	0,5

Câu 3 (1,0đ)	$Mg(s) + 2HCl(aq) \rightarrow MgCl_2(aq) + H_2(g)$	
	$\bar{V} = \frac{1}{a} \frac{\Delta C_M}{\Delta t} = -\frac{1}{a} \frac{(C_{M(HCl)_{sau}} - C_{M(HCl)_{đầu}})}{t_2 - t_1}$	0,25
	$\bar{V} = -\frac{(0,3 - 0,4)}{2.20}$ $= 2,5.10^{-3} mol/l.s$	0,25 0,5
Câu 4 (1,5đ)	$2NH_3(g) + 3Cl_2(g) \rightarrow N_2(g) + 6HCl(g)$	
	Viết biểu thức tốc độ của phản ứng trên. Giả sử : $C_{NH_3} = a, C_{Cl_2} = b$ $v = k.C_{NH_3}^2.C_{Cl_2}^3 = k.a^2.b^3$	0,5đ
	b. Khi nồng độ Cl_2 tăng 2 lần, lượng hơi nước không thay đổi, tốc độ phản ứng thay đổi như thế nào ? $v' = k.a^2.(b.2)^3$ $= k.a^2b^3.2^3$ $= 8.v$	0,25 0,25 0,25
	Vậy Khi nồng độ Cl_2 tăng 2 lần, lượng hơi nước không thay đổi, tốc độ phản ứng tăng lên 8 lần	0,25
Câu 5.(1,0 đ)	Theo CT Van't Hoff $\frac{V_2}{V_1} = \gamma^{\frac{t_2-t_1}{10}}$	0,25
	Ta có $t_1 = 30^0C, \gamma = 3$ $\frac{V_2}{V_1} = 3^{\frac{t_2-30}{10}} = 81 = 3^4$	0,25
	$\rightarrow \frac{t_2-30}{10} = 4$ $\rightarrow t_2 = 70$ (HS tính trực tiếp thì cho tròn 0,5đ)	0,25 0,25
Câu 6. (1,0đ)	1. Tăng diện tích tiếp xúc	0,25
	2. Chất xúc tác	0,25
	3. Nhiệt độ	0,25
	4. Bề mặt tiếp xúc và nồng độ	0,125*2
Câu 7 (1,0đ)	5.a	0,25
	3.b	0,25
	6.c	0,25
	2.d	0,125*2
Câu 8 (1,5đ)	$n_{Cl_2} = \frac{17,353}{24,79} = 0,7 mol$ (nếu HS ko làm dc phía dưới mới cho 0,25)	0,25
	PTHH : $\begin{array}{ccccc} Zn & + & Cl_2 & \xrightarrow{t^0} & ZnCl_2 \\ x & \rightarrow & x & & \end{array}$	
	$\begin{array}{ccccc} Na & + & \frac{1}{2}Cl_2 & \xrightarrow{t^0} & NaCl \\ y & \rightarrow & \frac{1}{2}y & & \end{array}$	0,25
	$\begin{cases} m_{hh} = 65x + 23y = 39,8 \\ n_{Cl_2} = x + \frac{1}{2}y = 0,7 \end{cases}$	0,25 0,25
	$\begin{cases} x = 0,4 \\ y = 0,6 \end{cases}$	0,25
	$\%m_{Mg} = 65,3\%, \%m_K = 34,7\%$	0,25

--	--	--